

THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

Nguyễn Tiến Khoa*

Tóm tắt: Bài viết nhận diện và phân tích một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam thời gian qua. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta thời gian tới.

Abstract: The article identifies and analyzes recent difficulties and shortcomings in implementing the law on supporting small and medium-sized enterprises in Viet Nam. On that basis, the author makes proposals to improve the effectiveness of implementing this law in the future.

1. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là loại hình doanh nghiệp chiếm tỉ lệ lớn và đóng góp nhiều cho nguồn thu của ngân sách nhà nước. Vì vậy, các quốc gia trên thế giới hiện nay đều rất quan tâm đến công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV. Theo báo cáo của Cục Quản lý doanh nghiệp nhỏ Hoa Kỳ, đất nước này hiện có khoảng 28 triệu DNNVV, chiếm 99,9% số lượng doanh nghiệp, thu hút 60,6 triệu lao động, 47,1% lực lượng lao động tư nhân¹. Tại Trung Quốc, có hơn 140 triệu DNNVV, các DNNVV nước này đóng góp hơn 60% tổng thu nhập quốc dân, hơn 50% nguồn thu thuế, tạo việc làm cho 79% tổng số lực lượng lao động và 68% tổng giá trị

xuất khẩu². Ở Nhật Bản, các DNNVV chiếm 99,7% tổng số doanh nghiệp, sử dụng 32 triệu lao động, tương đương khoảng 68,8% lực lượng lao động khu vực tư nhân, đóng góp hơn 50% GDP của cả nước³. Còn tại Việt Nam, hiện có khoảng 541.753 DNNVV đang hoạt động trong nền kinh tế (khoảng 97% tổng số doanh nghiệp), với tổng số vốn đăng ký khoảng 130 tỷ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp. Hàng năm, các DNNVV đóng góp khoảng 40% GDP, nộp ngân sách nhà nước 30%, đóng góp giá trị sản lượng công nghiệp 33%, giá trị hàng hóa xuất khẩu 30% và thu hút gần 60% lao động⁴.

² OECD, *Financing SMEs and Entrepreneurs 2022: An OECD Scoreboard*, <https://www.oecd-ilibrary.org/sites/a3891ad8-en/index.html?itemId=/content/component/a3891ad8-en#:~:text=In%20China%2C%20there%20were%20over,2022%20000%20per%20day,> truy cập ngày 26/3/2023.

³ OECD, *Financing SMEs and Entrepreneurs 2022: An OECD Scoreboard*, <https://www.oecd-ilibrary.org/sites/a4e7ef59-en/index.html?itemId=/content/component/a4e7ef59-en>, truy cập ngày 26/3/2023.

⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 26.

* ThS., Văn phòng Quốc hội.

¹ Dixie Downing and Fernando Gracia (2021), *Cấu tạo nhân khẩu học của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh*, Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ, tr. 1.

Về mặt pháp lý, từ năm 2003 đến nay, Quốc hội đã thông qua 72 luật và pháp lệnh có nội dung liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và doanh nhân. Đặc biệt, sau khi Luật Hỗ trợ DNNVV được Quốc hội ban hành năm 2017, Chính phủ và các Bộ, ngành đã chủ động ban hành các văn bản dưới luật để hướng dẫn thi hành. Đến nay, khuôn khổ pháp lý để hỗ trợ DNNVV cơ bản đã được hoàn thiện với 05 nghị định, 13 thông tư và nhiều văn bản hướng dẫn khác. Các địa phương cũng đã ban hành 581 nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản hướng dẫn hỗ trợ DNNVV theo các nội dung của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017⁵.

Từ những nỗ lực trong xây dựng, ban hành chính sách và pháp luật nêu trên, nhiều nội dung hỗ trợ DNNVV đã bước đầu phát huy hiệu quả, mang lại những tác động tích cực cho sự phát triển của loại hình doanh nghiệp này như: Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý, hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ thuế, kế toán, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ mở rộng thị trường, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam thời gian qua cũng đã nảy sinh một số vướng mắc, bất cập cần được phân tích, đánh giá để tìm hướng khắc phục.

⁵ Theo báo cáo của 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến thời điểm này, có 14 địa phương ban hành Đề án, Chương trình, Kế hoạch riêng hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh; 41 địa phương ban hành Đề án, Chương trình, Kế hoạch riêng hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương; 13 địa phương ban hành Đề án, Chương trình, Kế hoạch riêng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; 11 địa phương ban hành Đề án, Chương trình, Kế hoạch riêng hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

2. Một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Thứ nhất, đối với quy định về hỗ trợ thuế, kế toán

Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định DNNVV được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường. Năm 2019, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với DNNVV nhưng đến nay, chính sách này chưa được áp dụng và DNNVV chưa được hưởng thuế suất ưu đãi theo quy định của Luật. Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định 2 nhóm DNNVV trọng tâm được hỗ trợ là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia các cụm, chuỗi liên kết, tuy nhiên tiêu chí xác định 2 nhóm đối tượng này chưa được cụ thể hoá trong các văn bản hướng dẫn. Luật chưa có quy định cụ thể về hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; chưa có hướng dẫn cụ thể việc thành lập cơ sở ương tạo doanh nghiệp, hình thành quỹ đất để phát triển cụm công nghiệp.

Thứ hai, đối với quy định về hỗ trợ tiếp cận tín dụng, Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV

Mặc dù Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 đã có quy định về việc hỗ trợ cấp tín dụng tại Điều 8, nhưng các DNNVV hiện nay thường gặp khó khăn, vướng mắc pháp lý đối với tài sản thế chấp, nhất là tài sản thế chấp tại các khu công nghiệp. Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, chỉ 25% DNNVV được vay

vốn qua ngân hàng và các nguồn chính thống khác, 75% còn lại vẫn phải đi huy động bạn bè, vay mượn phi chính thống⁶. Thực tế cho thấy, nhiều ngân hàng rất muốn giải ngân cho các DNNVV vay vốn nhưng không đủ dữ kiện để đánh giá tình trạng tài chính của nhóm doanh nghiệp này. Nguyên nhân của tình trạng này là do phần lớn các DNNVV hiện nay không tuân thủ chuẩn mực kế toán, tình trạng vênh nhau giữa các sổ sách kế toán rất phổ biến... Ngân hàng khó tiếp cận thông tin về các DNNVV. Hiện nay, tổ chức tín dụng chủ yếu khai thác thông tin thông qua việc tìm hiểu trực tiếp doanh nghiệp và qua Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC), chưa khai thác được tối đa các thông tin từ các hiệp hội, ngành nghề, cơ quan thuế, cơ quan hải quan... Mặc dù Chính phủ đã có cơ chế bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và bảo lãnh tín dụng tại các Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương; tuy nhiên, việc triển khai các cơ chế bảo lãnh tín dụng cho DNNVV còn kém hiệu quả, gặp nhiều vướng mắc khó khăn và rất ít doanh nghiệp có thể tiếp cận được.

Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV (Nghị định số 34/2018/NĐ-CP) không quy định thời hạn các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và cá nhân góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng dẫn tới một số tổ chức tín dụng trước đây đã góp vốn theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg, Quyết định số

58/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV đã đề nghị rút vốn góp tại các Quỹ bảo lãnh tín dụng. Nghị định số 34/2018/NĐ-CP cho phép Quỹ bảo lãnh tín dụng huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước đảm bảo phù hợp với khả năng hoàn trả của quỹ. Tuy nhiên, 3 năm qua, các Quỹ bảo lãnh tín dụng chưa triển khai huy động được vốn từ các tổ chức này. Theo đó, nguồn vốn để thực hiện hoạt động bảo lãnh chủ yếu từ nguồn vốn cấp của ngân sách địa phương. Bên cạnh đó, bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng là bảo lãnh có điều kiện, Quỹ bảo lãnh tín dụng được quyền từ chối nghĩa vụ bảo lãnh nên thời gian qua có nhiều trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và xảy ra tranh chấp với các tổ chức tín dụng cho vay. Thời gian phê duyệt cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP đang là 30 ngày, mức thời gian phê duyệt như vậy là quá dài.

Thứ ba, đối với quy định liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV

- Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNNVV trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu... “Việc trả lời của cơ quan nhà nước quy định tại Điều này không áp dụng đối với các yêu cầu của

⁶ Phan Linh, *Hạ thấp điều kiện vay vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa*, <https://vneconomy.vn/ha-thap-dieu-kien-vay-von-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua.htm>, truy cập ngày 26/3/2023.

DNNVV về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp để có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật...”. Tuy nhiên, trên thực tế, các DNNVV chủ yếu chỉ có nhu cầu giải đáp về các vướng mắc pháp lý đối với vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định “...không áp dụng đối với các yêu cầu của DNNVV về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp” so với việc quy định chỉ có “trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNNVV trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý” rất khó phân biệt và phân định ranh giới trong các trường hợp cụ thể như thế nào là “áp dụng chung” và như thế nào là “vụ việc cụ thể” bởi vì không có các tiêu chí cụ thể để phân biệt. Vì vậy, gây khó khăn cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong áp dụng quy định này đối với doanh nghiệp. Quy định này cũng là “căn cứ” để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối trả lời đối với vướng mắc pháp lý trong các trường hợp được coi là “vụ việc cụ thể” đối với doanh nghiệp. Trong khi đó, trên thực tế, các cơ quan quản lý nhà nước như thuế, hải quan vẫn đang phải ban hành văn bản trả lời đối với “các vụ việc cụ thể” liên quan đến doanh nghiệp.

- Tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định: “Chi bồi dưỡng cho luật gia, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật: 20.000 đồng - 30.000 đồng/giờ tư vấn”. Quy định này là chưa phù hợp và đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của thực tiễn, không thu hút được các luật gia, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật; tuy nhiên, khi thực hiện các bước thanh quyết toán lại không quy định rõ chủ thể nhận kinh phí hỗ trợ pháp lý từ ngân sách nhà nước là chủ thể nào: Doanh nghiệp hay các tư vấn viên pháp luật? Điều này dẫn đến thực tiễn thực hiện gặp nhiều vướng mắc.

- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP có quy định việc trả lời vướng mắc pháp lý cho DNNVV nhưng không quy định chế tài nếu không thực hiện, dẫn đến trên thực tế xảy ra tình trạng một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có văn bản trả lời hoặc “hồi âm” khi doanh nghiệp đề nghị giải đáp vướng mắc pháp lý. Tương tự, việc quy định trách nhiệm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV (Điều 12, 13 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) cũng không có chế tài đi kèm nên có tình trạng một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quan tâm đến việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện

chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trong thời gian qua. Do không có quy định chế tài trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV nên nhiều cán bộ, công chức “thờ ơ, vô cảm” không trả lời, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý liên quan DNNVV, dẫn đến niềm tin của doanh nghiệp đối với các cơ quan nhà nước bị giảm sút.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Từ những vướng mắc, bất cập nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Một là, tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ DNNVV

Để giải quyết các vấn đề bất cập, vướng mắc trong triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 hiện nay, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành cần tập trung hoàn thiện, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết, hủy bỏ các nội dung không phù hợp, đặc biệt là ban hành hệ thống các văn bản hướng dẫn đầy đủ.

Một số vấn đề trọng tâm cần sửa đổi, bổ sung như: Cần hướng dẫn chi tiết đối với 2 nhóm DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia các cụm, chuỗi liên kết được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường. Quy định cụ thể về hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; hướng dẫn cụ thể việc thành lập cơ sở uơm tạo doanh nghiệp, hình thành quỹ đất để phát triển

cụm công nghiệp. Chính phủ cần xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2018/NĐ-CP theo hướng quy định thời hạn các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và cá nhân góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng. Cần hoàn thiện các cơ chế liên quan đến Quỹ bảo lãnh tín dụng như làm rõ vấn đề “điều kiện” để được bảo lãnh, các trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng được từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Thời gian phê duyệt cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP cần được nghiên cứu giảm xuống ở mức khoảng “từ 7 đến 10 ngày” làm việc thay vì “30 ngày” như hiện nay; điều này nhằm đảm bảo tính nhanh chóng, hỗ trợ kịp thời các DNNVV trong tiếp cận vốn vay. Chính phủ cần xem xét hợp nhất các Quỹ bảo lãnh tín dụng thành 01 Quỹ duy nhất và tăng mức vốn điều lệ cho Quỹ này nhằm tạo sự thông suốt và thuận tiện hơn trong công tác quản lý, điều hành.

Cần hướng dẫn rõ quy định về việc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNNVV theo hướng cụ thể, rõ ràng giữa vướng mắc của DNNVV trong áp dụng chung về pháp luật và vướng mắc gắn với các vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Xem xét đến việc quy định cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNNVV gắn với các vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này cũng cần tính toán đến việc giới hạn nhất định về tính chất của các vụ việc cụ thể và không nên áp dụng đối với tất cả các vụ

việc của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần quy định và hướng dẫn chi tiết về chế tài xử lý đối với cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm giải đáp, hỗ trợ pháp lý cho DNNVV nhưng không thực hiện, thực hiện thiếu nghiêm túc, hời hợt, kéo dài thời gian xử lý, thậm chí gây ra khiếu kiện, thiệt hại về tài chính cho doanh nghiệp.

Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp cần tham mưu Chính phủ nghiên cứu, sửa đổi quy định tại Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP về chế độ chi bồi dưỡng cho luật gia, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát huy tốt khả năng của chuyên gia, cần nâng mức chi bồi dưỡng lên so với quy định hiện nay là “20.000 đồng - 30.000 đồng/giờ tư vấn”. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình triển khai cần bám sát hướng dẫn, đồng thời, khai thác từ các nguồn hợp pháp và chính đáng để hỗ trợ thêm cho các chuyên gia ở địa phương.

Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV

Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức các cấp, các ngành và doanh nghiệp về tầm quan trọng của pháp luật về hỗ trợ DNNVV. Khai thác đồng bộ, đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật như tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho chủ doanh nghiệp; in ấn, phát cho DNNVV bộ tài liệu pháp lý có liên quan. Tổ chức các tọa đàm, hội nghị đối thoại trực tiếp với các DNNVV; các hội nghị, bồi dưỡng pháp luật kinh doanh trực tuyến cho DNNVV. Khai thác, sử dụng hệ thống phương tiện truyền thông như phát thanh, truyền hình, báo in... Xây dựng

thường xuyên và phát hành các bản tin, tài liệu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng và phát sóng định kỳ hàng tuần các chương trình “Kinh doanh và pháp luật” trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam. Khai thác tối đa các hình thức tuyên truyền mới có mức độ lan truyền nhanh chóng và có sức ảnh hưởng lớn tới DNNVV như xây dựng loạt bài viết tư vấn pháp lý, phóng sự, phỏng vấn và chuyển tải lên các trang báo điện tử, mạng xã hội: YouTube, Facebook, Zalo... Quan tâm, đầu tư cho Trang tin hỗ trợ pháp lý cho DNNVV (đặt ở Cổng thông tin của Bộ Tư pháp) để trở thành 01 trang tin điện tử chính thống về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV, thu hút sự truy cập của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng DNNVV. Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV cần bổ sung đầy đủ chuyên mục cảnh báo rủi ro pháp lý đối với DNNVV; thường xuyên cập nhật, đăng tải một số bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp để các doanh nghiệp khác tham khảo, rút kinh nghiệm. Tại các cơ quan đăng ký kinh doanh và các khu vực quan trọng, cần bố trí lắp đặt các bảng tin, đèn Led điện tử về các nội dung liên quan đến pháp luật về hỗ trợ DNNVV.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm, hiệu quả, tạo ra các “điểm sáng” trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV, hình thành các mô hình hiệu quả cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu cần hỗ trợ của các DNNVV, phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trên cả nước.

Ba là, thực hiện thường xuyên, chặt chẽ và đồng bộ hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong hỗ trợ DNNVV

Các cơ quan có liên quan cần tăng cường hoạt động phối hợp trong tổng kết, đánh giá tình hình thực tiễn, cung cấp thông tin, cùng tham mưu Quốc hội, Chính phủ trong xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hỗ trợ DNNVV. Tăng cường phối hợp tổ chức các hội nghị đối thoại, tọa đàm, lấy ý kiến doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; phối hợp trong việc xây dựng tài liệu, giới thiệu văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; giải đáp vướng mắc pháp lý cho DNNVV, tiếp nhận kiến nghị của DNNVV. Chủ động nghiên

cứu, xây dựng Quy chế phối hợp chung thực hiện hoạt động hỗ trợ DNNVV giữa Trung ương với địa phương, giữa các Bộ, ngành với nhau và giữa Bộ, ngành với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp. Các Bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục đẩy nhanh triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV theo quy định pháp luật, tập trung vào hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ mở rộng thị trường; hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

(Tiếp theo trang 48 – Bộ luật Dân sự năm 2015...)

Thứ ba, cần đồng bộ hóa nội dung chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ với các phần còn lại của Bộ luật Dân sự năm 2015 và giữa các điều luật trong chế định. Đây là vấn đề quan trọng, đảm bảo sự thống nhất nội tại trong quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói chung, trong đó có chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Thực tiễn cho thấy, có những quy định mâu thuẫn trong chính Bộ luật Dân sự năm 2015 đã gây vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ như quy định về đăng ký, về hình thức giao dịch dân sự... Do đó, công tác tái pháp điển hóa chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cần phải

tiếp tục rà soát để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tạo thuận lợi trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Như vậy, pháp điển hóa chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm hướng tới sự đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tạo khung pháp lý toàn diện, ổn định và an toàn cho sự phát triển của các quan hệ dân sự. Do đó, để đảm bảo phát huy vai trò của chế định này trong hệ thống luật tư, cần tiếp tục rà soát, đánh giá và tái pháp điển hóa để xây dựng chế định này có tính hệ thống, đồng bộ, khoa học và thống nhất.